TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 625/2024/HC-PT
Ngày: 24 - 6 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 180/2024/TLPT-HC ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 869/2023/HC-ST ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 858/2024/QĐPT-HC ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1946 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B H, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Lê Quang L, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: A Chung cư T, đường L, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện*:

1/ Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C: Ông Trương Tiến T– Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban

nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Đường L, khu phố G, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Nguyễn Thị Linh P - Chức vu: Phó trưởng phòng Tài nguyên – Môi trường huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Kim K, sinh năm: 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: B ấp H, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Vũ Ánh N, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: B ấp H, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: B ấp H, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: E ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Bà Nguyễn Thùy Duyên M, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: 2 ấp L, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Bà Nguyễn Thị Duyên M1, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: B ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

8/ Ông Nguyễn Thành N2, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: A ấp H, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Quang L, sinh năm: 1989 (có mặt)

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị C; Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/12/2022, biên bản lời khai, biên bản đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện –bà Nguyễn Thị C có ông Lê Quang L đại diện trình bày:

Bà Nguyễn Thị C là vợ ông Nguyễn Văn T1. Năm 1985,bà và gia đình khai hoang, bồi đắp diện tích đất khoảng hơn 10.000 m^2tại xã L nhưng hiện nay chỉ còn 2.100m^2 thuộc thửa 470, 442, 443 tờ bản đồ số 50 xã L, huyện C vừa để làm nhà ở, trồng đước và đào ao nuôi trồng thủy sản. Cụ thể, thửa đất cất nhàtheo tài liệu 1992 thuộc thửa 59 tờ bản đồ số 01, theo tài liệu 2005 có số thửa

73 diện tích 892,8m^2 trong đó diện tích cất nhà là 109,2m^2; đất khuôn viên 783,6m^2; phần còn lại 1.263,3m^2 theo tài liệu 1992 có số thửa 60, tài liệu 2005 có số thửa 73. Năm 2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo hành vi lấn chiếm đất đối với ông Nguyễn Văn T1- chồng của bà C là không đúng vì nhà đất do ông bà tự tạo dựng, khai hoang, không lấn chiếm đất của ai, bà C không được biết quyết định này. Toàn bộ nhà và đất khai hoang sử dụng còn lại bà C đã thực hiện đo đạc gồm 02 bản vẽ và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai duyệt ngày 08/5/2017. Năm 2017, bà C nộp hồ sơ đăng ký, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với phần đất này nhưng Ủy ban nhân dân huyện C không trả lời. Bà C nộp đơnyêu cầu xem xét. Ngày 28/3/2022, Ủy ban nhân dân huyện C trả lời bà C bằng Văn bản số 1392/UBND, cho rằng ngày 04/6/2019 Ủy ban nhân dân huyện đã có Văn bản số 2322/UBND và ngày 13/10/2020 có Văn bản số 5331/UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C trả lời đất của bà sử dụng bị quy hoạch là đất giáo dục nên không cấp quyền sử dụng đất. Bà không nhận được Văn bản 2322/UBND của Ủy ban nhân dân huyện C và Văn bản số 5331/UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Gần đây bà C mới biết đến các văn bản này cũng như Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 563/QĐ-UB ngày 18/7/2003.Bà C khởi kiện, yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 563/QĐ-UB ngày 18/7/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C; Hủy Văn bản số 2322/UBND ngày 04/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị C; Hủy Văn bản số 5331/UBND ngày 13/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời về việc giải quyết đơn yêu cầu xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị C.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích 2.156,1m^2 nhằm thửa 470; 442; 443 tờ bản đồ số 50 xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo bản đồ hiện trạng vị trí số 397/TPX/2017 và 399/TPX/2017 ngày 18/4/2017 do Công ty Trách nhiệm hữu hạn X lập cho bà C theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có ôngTrương Tiến Triển đại diện có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, tại Văn bản ý kiến số 1190/UBND ngày 17/3/2022 trình bày:

Khu đất bà Nguyễn Thị C yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất gắn liền với đất thuộc thửa 470, 442, 443 tờ bản đồ số 50 (BĐĐC lập năm 2005) diện tích 2.156,1m^2, tọa lạc tại xã L, huyện C.

Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L ngày 23/10/2017, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của hộ bà C là do bao chiếm năm 2003 và sử dụng cho đến nay. Ông Nguyễn Văn T1 (chồng bà) đã bị xử phạt tại Quyết định xử phạt vi

phạm hành chính số 563/QĐ-UB ngày 18/7/2003 đối với khu đất này. Theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện C được duyệt theo Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 29/6/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố H thì khu đất được bố trí đất giáo dục.

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, khu đất đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị C có vi phạm pháp luật về đất đai và không phù hợp quy hoạch, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Ủy ban nhân dân huyện C đã có Văn bản số 2322/UBND ngày 04/6/2019 trả lời cho bà C về việc khu đất không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người bị kiện Chủ tịchỦy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có ông Trương Tiến T đại diện có Văn bản số 1858/UBND ngày 31/3/2023 trình bày:

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 563/QĐ-UB ngày 18/7/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là đúng pháp luật, và đã hết thời hiệu khởi kiện, đề nghị Tòa án đình chỉ, đồng thời bác yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy Văn bản số 5331/UBND ngày 13/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Linh P là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Giữ nguyên quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 563/QĐ-UB ngày 18/7/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Đồng thời bác các yêu cầu: Hủy Văn bản số 2322/UBND ngày 04/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C và Văn bản số 5331/UBND ngày 13/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cũng như yêu cầu buộc cấp giấy chứng nhận của bà C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Kim K, bà Vũ Ánh N, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thùy Duyên M, bà Nguyễn Thị Duyên M1, ông Nguyễn Thành N2 cùng ủy quyền cho ông Lê Quang L đại diện trình bày: Các ông bà là con của ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị C. Các ông bà thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bà Nguyễn Thị C, đồng ý để bà C khởi kiện, trong trường hợp được chấp nhận thì bà C được quyền đăng ký Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và toàn quyền định đoạt đối với toàn bộ nhà đất này.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 863/2023/HC-ST ngày 01 tháng 6 năm 2023 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc:

- Hủy Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 18/7/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Xử phạt vi phạm hành chính" đối với ông Nguyễn Văn T1.

- Hủy các văn bản số2322/UBND ngày 04/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị C theo 02 bản vẽ hiện trạng vị trí số 397/TPX/2017 và bản vẽ số 399/TPX/2017 do Công ty Trách nhiệm hữu hạn X lập ngày 18/4/2017, được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C kiểm tra nội nghiệp ngày 04/5/2017; Văn bản số 5331/UBND ngày 13/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị C.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh phải thực hiện hành vi công vụ: Xét, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Nguyễn Thị C theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 05/12/2023, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C kháng cáo bản án sơ thẩm.

- Ngày 12/6/2023, người khởi kiện bà Nguyễn Thị C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị C (có ông Lê Quang L là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C do phần đất của bà C sử dụng ổn định từ năm 1985 đến nay, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch, đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Nghị định 43/2014/NĐ-CP. Đồng thời, người khởi kiện không đồng ý kháng cáo của người bị kiện.

Người bị kiện xin xét xử vắng mặt nhưng có người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp là bà Nguyễn Thị Linh P phát biểu ý kiến đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ khởi kiện của bà C vì ngày 18/7/2003 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành Quyết định 563/QĐ-UB xử phạt ông T1 (chồng bà C) về hành vi lấn chiếm đất, quyết định này đã có hiệu lực và đã hết thời hiệu khởi kiện. Bà C trình bày nguồn gốc đất là khai hoang đất năm 1985 là không đúng thực tế vì chồng bà C có ký vào biên bản vi phạm hành chính năm 2003. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 563/QĐ-UB có vị trí cụ thể. Hơn nữa, đất này hiện nay có quy hoạch là đất giáo dục nên dù bà C có sử dụng đất đất liên tục thì cũng không phù hợp quy hoạch. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà C do không có căn cứ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có ông Lê Quang L là đại diện theo ủy quyền) yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà C, bác kháng cáo của người bị kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bà C bị xử phạt vi phạm hành chính vào năm 2003, tại khu vực này bà C cũng không có thửa đất nào khác vị trí đất bị xử phạt. Ngoài ra, phần đất này đã có quy hoạch sử dụng đất nên Ủy ban nhân dân huyện C không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C là đúng quy định pháp luật. Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà C, chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt người bị kiện.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 563/QĐ-UB ngày 18/7/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C:

Theo người bị kiện trình bày thì phần đất có diện tích 2.156,1m^2 thuộc thửa 470, 442, 443 là do gia đình bà C bao chiếm sử dụng từ năm 2003, đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 563/QĐ-UB ngày 18/7/2003 cho ông Nguyễn Văn T1 (chồng bà C), đây là một trong các lý do để Ủy ban nhân dân huyện C không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C. Như vậy, Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 18/7/2003 là chứng cứ để xem xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bị kiện cho rằng ngày 13/6/2006 ông Nguyễn Văn T1 (chồng bà C) đã ký tên vào biên bản đo đạc xác định ranh giới, diện tích, vị trí khu đất, nên yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 18/7/2003 là quá thời hiệu khởi kiện. Xét, biên bản đo đạc xác định ranh giới, diện tích, vị trí khu đất ngày 13/6/2006 (BL 18) không có nội dung để tổ chức thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 563/QĐ-UB ngày 18/7/2003. Trong biên bản này có thể hiện tên Nguyễn Văn T1, nhưng ông T1 không có ký tên. Quá trình giải quyết vụ án, bà C cho rằng chỉ được biết Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 18/7/2003 khi biết được văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân huyện C về việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài biên bản ngày 13/6/2006, người bị kiện không có tài liệu chứng cứ chứng minh đã tống đạt Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 18/7/2003 cho ông T1, và gia đình bà C. Do vậy, bà C khởi

kiện đối với Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 18/7/2003 là còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Phần đất gia đình ông T1, bà C sử dụng có số thửa 59-60 theo tài liệu địa chính năm 1992 là đất TTT, không thể hiện tổ chức cơ quan nào kê khai đăng ký. Theo người khởi kiện thì nguồn gốc phần đất này là do gia đình bà khai hoang, và sử dụng từ năm 1985. Lời khai của bà C phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Văn N3 (Trưởng ban điều hành ấp H), lời khai khác của ông Nguyễn Văn K1 về thời điểm cất nhà, khai hoang sử dụng đất của bà C.

Tại văn bản số 1112/UBND ngày 31/5/2023 của Ủy ban nhân dân xã L xác định: Nhà số B ấp H bà C sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất, thuộc khu đất bà C đang yêu cầu cấp giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Bản trích lục hộ khẩu của căn nhà số B ấp H, xã L, huyện C thì công an huyện L cấp hộ khẩu cho hộ ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị C ngày 24/3/2000. Từ những tài liệu trên có cơ sở xác định gia đình bà C, ông T1 sinh sống tại căn nhà số B ấp H, xã L từ năm 2000. Như vậy, thời điểm khai hoang, sử dụng đối với thửa đất số 59, 60 là từ những năm 2000 và gia đình bà C đã sử dụng ổn định cho đến hiện nay.

[4] Ngày 25/6/2003, Ủy ban nhân dân huyện C lập biên bản về hành vi vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn T1 (chồng của bà C), ghi nhận hành vi lấn chiếm đất là năm 2003, diện tích khoảng 10.000m^2 nhưng không ghi rõ địa chỉ của thửa đất, đồng thời cũng không có nội dung ông T1 lấn chiếm đất tại vị trí nào, phần đất thuộc quyền quản lý sử dụng của ai là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 55 Pháp lệnh về việc xử lý vi phạm hành chính. Theo nội dung nêu tại mục [4] thì gia đình bà C đã quản lý sử dụng thửa đất số 59, 60 từ năm 2000, Ủy ban nhân dân huyện C không cung cấp được chứng cứ chứng minh phần diện tích đất gia đình ông T1 sử dụng do cơ quan, cá nhân khác quản lý, đăng ký kê khai. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ biên bản lập ngày 25/6/2003 để ban hành Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 18/7/2003 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T1 do hành vi lấn chiếm đất là chưa đủ căn cứ.

Mặt khác, Quyết định 563/QĐ-UB ngày 18/7/2003 xác định ông T1 có hành vi vi phạm là: Lấn chiếm đất đai vi phạm khoản 2 Điều 2 Nghị định 04/CP ngày 10/01/1997 của Chính phủ; Hình thức xử phạt: Phạt cảnh cáo. Tại khoản 2 và khoản 5 Điều 2 Nghị định 04/CP ngày 10/01/1997 quy định xử phạt về hành vi lấn, chiếm đất đai: "Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến10.000.000 đồng đối với hành vi lấn, chiếm đất đai"; Ngoài các hình thức xử phạt quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 của Điều này, còn bị áp dụng các biện pháp sau: a) Thu hồi diện tích đất đã bị lấn, chiếm". Đối chiếu với quy định trên thì Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 18/7/2003 đã áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo, là hình thức xử phạt không được áp dụng đối với hành vi lấn chiếm đất đai; Hơn nữa, nếu xác định ông T1 vi phạm lấn chiếm đất đai thì phải áp dụng biện pháp khắc phục là thu hồi diện tích đất đã bị lấn, chiếm nhưng Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 18/7/2003 không có nội dung thu hồi diện tích đất lấn chiếm.

Từ những phân tích trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 563/QĐ-UB ngày 18/7/2003 là không đúng về nội dung và hình thức. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C về việc hủy quyết định này là có căn cứ.

[5] Ngày 24/5/2017, bà C nộp hồ sơ đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 2.156,1m^2 theo 02 bản vẽ hiện trạng vị trí số 397/TPX/2017 và bản vẽ số 399/TPX/2017 do Công ty trách nhiệm hữu hạn X lập ngày 18/4/2017, được Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai huyện C kiểm tra nội nghiệp ngày 04/5/2017.

Xét, theo nhận định trên thì thời điểm gia đình bà C quản lý sử dụng đất từ năm 2000 (trước ngày 01/7/2004). Tại xác nhận ngày 23/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã L, phần nhà đất bà C đăng ký xin cấp quyền sử dụng đất không có tranh chấp, không nằm trong quỹ đất công và không phù hợp quy hoạch. Ủy ban nhân dân xã L đã thực hiện việc niêm yết công khai hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định, đồng thời, ngày 28/8/2017 đã có tờ trình số 897/TTr-UBND đề nghị Ủy ban nhân dân huyện C, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho 08 hộ, cá nhân, trong đó có hộ bà Nguyễn Thị C. Theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai năm 2013 và điểm a, khoản 2 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 thì bà C đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[6] Tại văn bản số 2322/UBND ngày 04/6/2019 và văn bản số 5331/UBND ngày 13/10/2020, Ủy ban nhân dân huyện C nêu lý do không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do gia đình bà C lấn chiếm năm 2003 và đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 563/QĐ-UB ngày 18/7/2003; Và phần đất trên được quy hoạch là đất giáo dục.

Xét thấy, ngày 16/5/2014, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 2357/QĐ-UBND bố trí khu đất do gia đình bà C sử dụng với chức năng giáo dục, nhưng gia đình bà C đã quản lý sử dụng đất từ năm 2000 (trước thời điểm có quyết định quy hoạch), nên không thuộc trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai năm 2013 xác định các trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: "Người sử dụng đất có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng đã có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền". Do đó, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành các văn bản số 2322/UBND ngày 04/6/2019 và văn bản số 5331/UBND ngày 13/10/2020 trả hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C là không đúng quy định pháp luật. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C về việc hủy các văn bản trên là có căn cứ.

[7] Đối với yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện về việc đề nghị Tòa án

tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C: Theo quy định tại Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015 thì Hội đồng xét xử sơ thẩm có quyền buộc người bị kiện thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật, mà không có thẩm quyền buộc người bị kiện phải thực hiện hành vi cụ thể theo yêu cầu khởi kiện nên kháng cáo này của bà C là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện và người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Lập luật này cũng là căn cứ để không chấp nhận đề nghị sửa bản án sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[9] Các phần quyết định khác của bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[10] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C sinh năm 1956 là người cao tuổi nên được miễn; Ủy ban nhân dân huyện C phải chịu, theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

B yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị C và người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 869/2023/HC-ST ngày 01/6/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Luật Đất đai năm 2013; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính 2002; Nghị định 04/CP ngày 10/01/1997của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủvề hướng dẫn thi hành luật Đất đai năm 2013; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C:

- Hủy Quyết định số 563/QĐ-UB ngày 18/7/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Xử phạt vi phạm hành chính" đối với ông Nguyễn Văn T1.

- Hủy các văn bản số 2322/UBND ngày 04/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị C theo 02 bản vẽ hiện trạng vị trí số 397/TPX/2017 và bản vẽ số 399/TPX/2017 do Công ty trách nhiệm hữu hạn X lập ngày 18/4/2017, được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C kiểm tra nội nghiệp ngày 04/5/2017;

Văn bản số 5331/UBND ngày 13/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị C.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh phải thực hiện hành vi công vụ: Xét, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Nguyễn Thị C theo quy định của pháp luật.

2. Các phần quyết định khác của bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí hành chính phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị C được miễn.

- Ủy ban nhân dân huyện C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0031958 ngày 26/02/2024 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– Các đương sự (11);
– Lưu: hồ sơ vụ án (1), VP (5), 22b (PPC);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Nhựt Bình